

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG THỔ  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-ST  
Ngày 08 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mùi;

Ông Hoàng A Dọ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:** Ông Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vùi Văn C**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1995, tại: huyện P, tỉnh Lai Châu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Giáy; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Vùi Văn G, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 04; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Tại Bản án số: 06/2016/HSST, ngày 19/11/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án và đã được xóa án tích. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phan Văn Nhật - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu, có mặt.

**- Bị hại:**

Anh Lù Hờ X, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản M, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt;

Chị Chang Hồ D, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản M, xã S, huyện P, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2019, Vui Văn C có vay 20 Nhân dân tệ, tiền Trung Quốc, của anh Lù Hồ X để chi tiêu. Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 19/11/2019, C đem số tiền 20 nhân dân tệ đến nhà anh X, tại bản Mới, xã Ma Li Chải (nay là xã Si Lỗ Lầu), huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, để trả nợ. Đến nhà anh X, không thấy có anh X ở nhà, thấy cửa nhà anh X không khóa, C đẩy cửa và đi vào trong nhà ngồi đợi nhưng không thấy anh X về. C quan sát thấy trên mặt tủ lạnh trong nhà anh X có để 01 chiếc hòm tôn màu xanh xám không khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trong hòm để chi tiêu cá nhân. C đi ra mở nắp hòm, thấy bên trong có nhiều tờ tiền gồm cả Việt Nam và tiền Trung Quốc và 01 chiếc ví giả da màu đen, C mở chiếc ví ra thấy bên trong có tiền, C cho chiếc ví vào túi quần đang mặc trong người rồi nhặt 01 chiếc túi ni lông màu trắng ở cạnh chiếc tủ lạnh và dùng tay lấy toàn bộ số tiền trong hòm cho vào túi ni lông túm lại. Sau đó, C đóng nắp hòm tôn lại như cũ và cởi chiếc áo khoác đang mặc trên người ra che chiếc túi ni lông đựng tiền lại để tránh bị phát hiện rồi C đi ra ngoài và kéo khép cánh cửa nhà anh X lại như cũ. Khi đi ra đến bụi cây gần khu ruộng cách nhà anh X khoảng 45 mét, C lấy toàn bộ số tiền bên trong chiếc ví đã trộm cắp của anh X cho vào túi ni lông màu trắng đang đựng tiền trộm cắp được, C vứt bỏ lại chiếc ví ngay chỗ bụi cây rồi tiếp tục đi. Khi đi được khoảng 800 mét, thấy có bụi cây gần bãi ruộng, quan sát thấy không có người, C đi vào bụi cây lấy số tiền trộm cắp ra đếm. Do số tiền trộm cắp được có nhiều tờ có nhiều mệnh giá khác nhau nên C không đếm mà sắp xếp lại theo mệnh giá tiền. Khi sắp được một phần số tiền trộm cắp được, C lại dùng túi ni lông cũ gói lại và giấu trong bụi cây, mục đích để đợi khi trời tối C ra lấy đem về tiêu xài.

Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày 19/11/2019, khi C đang trên đường đi ra lấy số tiền đã trộm cắp được thì bị cơ quan Công an phát hiện, C đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh X và nơi cất giấu số tiền trộm cắp. Cơ quan công an đã tiến lập biên bản sự việc và thu giữ toàn bộ tang vật gồm: 667 tờ tiền Việt Nam, có tổng giá trị là 1.457.000 đồng, gồm các mệnh giá: 1.000 đồng; 2.000 đồng; 5.000 đồng; 10.000 đồng; 100.000 đồng và 191 tờ tiền Trung Quốc, có tổng giá trị là 228,5 CNY, gồm các mệnh giá: 5 xu (0,5 nhân dân tệ); 1 nhân dân tệ; 5 nhân dân tệ; 10 nhân dân tệ; 20 nhân dân tệ. Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc hòm tôn màu xanh, xám đã qua sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu đen có chữ Versace; 01 túi ni lông màu trắng, 667 tờ tiền Việt Nam và 191 tờ tiền Trung Quốc.

Quy đổi theo tỷ giá tiền Việt Nam - Trung Quốc tại thời điểm ngày 19/11/2019 thì: 1CNY = 3.297,66 đồng. Số tiền 228,5CNY = 753.515,31 đồng. Như vậy, tổng số tiền Vui Văn C đã trộm cắp của gia đình anh Lù Hồ

X, gồm cả số tiền Việt Nam và số tiền Trung Quốc được quy đổi ra tiền Việt Nam là 2.210.515,31 đồng (*Hai triệu, hai trăm mười nghìn, năm trăm mười lăm phẩy ba mươi mốt đồng*).

Tại Bản cáo trạng số: 33/CT-VKS, ngày 10/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị cáo Vui Văn C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi đúng như nội dung Cáo trạng.

Người bào chữa cho bị cáo không có tranh luận về tội danh và khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử Xem xét các điều kiện về nhân thân, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có ý định trộm cắp tài sản từ trước, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là do nhất thời thiếu suy nghĩ. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 3, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, khoan hồng đối với người phạm tội, xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị hại là anh Lù Hờ X và chị Chang Hờ D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, anh X, chị D khai sự việc anh bị mất trộm xảy ra đúng như nội dung bị cáo đã khai tại phiên tòa. Số tài sản bị mất, gia đình anh X đã được nhận lại. Về phân trách nhiệm bồi thường thiệt hại, anh X, chị D không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vui Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không Xem xét. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ vật chứng thu giữ của vụ án đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không Xem xét. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia

đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

[2] Về chứng cứ, hành vi mà bị cáo đã thực hiện:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, đơn trình báo của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng hơn 12 giờ, ngày 19/11/2019, Vui Văn C đã có hành vi trộm cắp của gia đình anh Lù Hờ X số tiền, gồm: 667 tờ tiền Việt Nam, có tổng giá trị là 1.457.000 đồng và 191 tờ tiền Trung Quốc, có tổng giá trị là 228,5 CNY. Tổng số tiền Vui Văn C đã trộm cắp của gia đình anh Lù Hờ X, gồm cả số tiền Việt Nam và số tiền Trung Quốc được quy đổi ra tiền Việt Nam là **2.210.515,31 đồng** (*Hai triệu, hai trăm mười nghìn, năm trăm mười lăm phẩy ba mươi một đồng*).

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người chủ tài sản và tạo dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Số tài sản mà bị cáo trộm cắp của gia đình bị hại gồm toàn bộ là tiền mặt, gồm tiền Việt Nam và tiền Trung Quốc, sau khi quy đổi số tiền Trung Quốc ra tiền Việt Nam thì tổng số tiền bị cáo đã trộm cắp trị giá là 2.210.515,31 đồng. Số tiền này chỉ trên mức khởi điểm cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo không thuộc vào các trường hợp được quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa kịp sử dụng và đã giao nộp lại toàn bộ cho cơ quan

điều tra để trả lại cho chủ sở hữu. Như vậy, có thể xác định bị cáo đã phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại Bản án số: 06/2016/HSST, ngày 19/11/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho bản thân, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật mà lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại lười lao động, không dùng sức của mình để lao động, kiếm tiền bằng con đường chân chính mà lại lợi dụng sự sơ hở của người khác để trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo và nâng cao ý thức pháp luật cho bị cáo, góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Quan điểm của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt là không tương xứng với mức độ nguy hiểm và hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, không đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[4]Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không Xem xét.

[5]Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]Về xử lý vật chứng: Toàn bộ vật chứng thu giữ của vụ án đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không Xem xét.

[7]Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên bố:**

**1. Bị cáo Vui Văn C** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vui Văn C: 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

**2. Án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CA huyện Phong Thổ (CQĐT, THAHS);
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Bản Lang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hạnh**